TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**66**/2019/HS-ST
Ngày: 22-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Quang Vinh

Bà Mai Lương Anh

-Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Loan–Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà:Bà Hồ Thị Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số52/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số54/2019/QĐXXST-HS ngày 10tháng 5 năm 2019đối vớicác bị cáo:

1. Vũ Lê Minh T; tên thường gọi khác: **Cu T N**; sinh ngày 04 tháng 6 năm 1996; nơi sinh: tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: đường C, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Minh T và bà Lê Thị Thuỳ T; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: tại Bản án số 238/2015/HSST ngày 28/12/2015 của Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo T 30 tháng tù về các tội "Cố ý gây thương tích" và "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/9/2017, chưa được xoá án tích; bị bắt tạm giữ ngày 31/12/2018; hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt.*(Có mặt)*

2. **Trần Văn T**; sinh ngày 10 tháng 8 năm 1990; nơi sinh: tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ở: Chợ M, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L (chết); có vợ: Phan Thị H, sinh năm 1995; có 01 con sinh năm 2017; tiền án,tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án số 117/2010/HSST ngày 02/11/2010 của Toà án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo T 01 năm 03 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", chấp hành xong ngày 17/9/2011; tại Bản án số 241A/2015/HSST ngày 26/11/2015 của Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xử phạt bị cáo T 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành

xong ngày 27/10/2016; bị bắt tạm giữ ngày 31/12/2018; hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt. *(Có mặt)*

-Bị hại:

1. Bà Phạm Thị V, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Tổ Đ, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.*(Có mặt)*

2. AnhNguyễn Thành T, sinh năm: 1990; Nơi cư trú: đường C, phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt).*

-Người làm chứng:

1.Bà Phạm Thị Thanh T;*(Vắng mặt)*

2. Chị Phan Thị Thu T.*(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Lê Minh T và Trần Văn T quen biết nhau từ trước. Khoảng 18 giờ ngày 30/12/2018, T gọi điện rủ T lên thành phố Đà Lạt chơi thì T đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày,T bắt xe khách đi từ huyện Lâm Hà lên đến thành phố Đà Lạt gặp T. Sau đó, cả hai rủ nhau đi ăn tối ở đường Nguyễn Công Trứ, phường 8, thành phố Đà Lạt đến 23 giờ thì cả hai đi bộ về ngang hẻm số 63 đường Nguyễn Công Trứ thì phát hiện một chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 49D1-149.72 của chị Phạm Thị V đang dựng ở hàng rào trước dãy phòng trọkhông có người trông coi, đèn mo của xe vẫn sáng nhưng không có chìa khoá cắm ở ổ khoá xe nên cả hai biết xe bị hư ổ khoá. Lúc này cả hai cùng nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, T và T cùng tiến lại chiếc xe, T lấy chiếc chìa khoá mà T mang theo trước đó cắm vào ổ khoá và nổ máy xe. Do không biết đường nên T nói T điều khiển chiếc xevừa trộm cắp được chở T đi tìm chỗ cất giấu. Khi cả hai đang điều khiển xe trên đường Thông Thiên Học, phường 2, thành phố Đà Lạt thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện và bắt giữ cùng tang vật. Tại cơ quan điều tra, T và T đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên.

Vật chứng thu giữ:

Thu giữ của bị cáo T: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 49D1-149.72 đã qua sử dụng; 01 chìa khoá hiệu xe Honda; 01 cây khoá số 8; 01 ống sắt dùng để mở khoá số 8; 01 cây sắt tròn hình chữ L; 01 con dao bầu dài 30cm, cán gỗ dài 10cm, lưỡi màu nâu dài 20cm; 01 điện thoại di động hiệu Viettel màu trắng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, màn hình trước bị bể; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng.

Thu giữ của bị cáo T:01 điện thoại di động hiệu Honor màu trắng, đã qua sử dụng.

Bị hại: Bà Phạm Thị Vbị chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 49D1-149.72.Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đà Lạt kết luận chiếc xe mô tô nói trên giá trị còn lại 40%, tương ứng số tiền

6.080.000 (sáu triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại chiếc xe cho bà V, bà V không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra còn xác định, anh Nguyễn Thành T là chú của Vũ Lê Minh T, do trước đó anh T biết T làm được giấy tờ đất cho bác của T nên tháng 7/2018, anh T nhờ T làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất xây dựngtại khu vực Cam Ly, phường 5, thành phố Đà Lạt thì T đồng ý và thoả thuận số tiền là 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu)đồng, T yêu cầu nhận trước 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng để chi phí, số tiền còn lại T nhận sau khi làm xong giấy tờ cho anh T thì anh T đồng ý. Ngày 08/7/2018, tại quán cà phê Gió ở đường Hải Thượng, phường 5, thành phố Đà Lạt, T đã nhận của anh T số tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng cùng hồ sơ đất. T hứa với anh T một tháng sau sẽ làm xong giấy tờ cho anh T. Việc giao nhận tiền và hồ sơ đất có chị Phan Thị Thu T là bạn gái của T chứng kiến. Sau khi nhận tiền của anh T, Tuấn có đến nhà của bà Phạm Thị Thanh T để nhờ bà T làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất nói trên cho anh T nhưng bà T từ chối do đấtnằm trong quy hoạch nên không làm được. Mặc dù biết không làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất được cho anh T nhưng lúc này do đang cần tiền nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt toàn bộ số tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng đã nhận từ anh T. Để chiếm đoạt số tiền này, T đã nói dối hẹn anh T đến ngày 15/8/2018 sẽ giao sổ cho anh T và nhận số tiền còn lại tuy nhiên đến ngày hẹn, T không thực hiện mà tiếp tục khất hẹn với anh T nhiều lần, sau đó T trốn tránh không gặp và không nghe điện thoại của anh T. Đến ngày 30/9/2018, anh T tìm đến quán Karaoke Lâm Tứ Hải ở đường Kim Đồng, phường 6, thành phố Đà Lạt(nơi T làm việc) để gặp T, tại đây để tạo niềm tin cho anh T, T đã viết giấy khất nợ với nội dung T nợ anh T số tiền65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng, hẹn ngày 10/10/2018 T sẽ trả trước cho anh T số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, số tiền còn lại T sẽ trả cho anh T mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, sau đó, anh T nhiều lần liên lạc thì T bỏ số điện thoại và đi khỏi địa phương nên ngày 24/10/2018, anh T đã làm đơn tố cáo T đến cơ quan Công an. Quá trình điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tiền của anh T như đã nêu trên. Tại bản kết luận giám định số 473/GĐ-PC09 ngày 30/01/2019 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Chữ ký ghi họ tên Vũ Lê Minh T trên tài liệu cần giám định (giấy khất nợ đề ngày 30/9/2018) với chữ ký ghi họ tên Vũ Lê Minh T trên tài liệu mẫu so sánh (biên bản ghi lời khai Vũ Lê Minh T ngày 02/01/2019) là do một người ký ra.

Bị hại: Anh Nguyễn Thành T bị Tuấn chiếm đoạt số tiền65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng. Anh T yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh số tiền trên.

Cáo trạng số 55/CT-VKS ngày 24/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Vũ Lê Minh T về tội " Trộm cắp tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và điểma khoản 1,điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "Trộm cắp tài sản"theo quy định tại khoản 1 Điều 173Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo T và bị cáo T đã khai nhận: Vào khoảng 23 giờ ngày 30/12/2018, cả hai bị cáođã cùng nhau thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 49D1-149.72 tại dãy nhà trọ hẻm số 63 đường Nguyễn Công Trứ, phường 2, thành phố Đà Lạt mục đích để bán lấy tiền

tiêu xài. Khi cả hai đang điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được để tìm nơi cất giấu thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện và bắt giữ cùng tang vật.Bị cáo T khai nhận các công cụ mà cơ quan công an thu giữ của bị cáo gồm 01 chìa khoá xe, 01 cây khoá số 8,01 ống sắt dùng để mở khoá số 8, 01 cây sắt tròn hình chữ L, 01 con dao bầu là của bị cáo mua mang theo và chuẩn bị để đi trộm cắp xe, còn điện thoại là của bị cáo. Bị cáo T còn khai nhận, trong tháng 7/2018, bị cáo có nhận làm hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất choanh Nguyễn Thành T với giá thoả thuận là 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng, bị cáo nhận đã trước số tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng từ anh T, số tiền còn lại bị cáo sẽ nhận khi làm xong giấy tờ. Tuy nhiên sau đó, do đất của anh T không đủ điều kiện để chuyển mục đích nên không làm được nhưng do lúc này cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng mà bị cáo đã nhận của anh T nên bị cáo đã khất hẹn với anh T nhiều lần và trốn tránh và viết giấy khất nợ với anh T để anh T tin tưởng nhưng sau đó do không có tiền để trả cho anh T nên bị cáo đã tắt điện thoại và tránh mặt anh T để không phải trả lại số tiền trên cho anh T.Cụ thể hành vi các bị cáo thực hiện như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Các bị cáo đều thống nhất và không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, kết luận giám định, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị hại bà Phạm Thị V và anh Nguyễn Thành T thống nhất với lời khai của các bị cáo. Bà V không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo. Anh T yêu cầu bị cáo T bồi thường cho anh số tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội và tranh luận đối với các bị cáo: Tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai củacác bị hại và những người tham gia tố tụng khác, tang vật thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứthu thập có trong hồ sơ vụ án.Qua phân tích đánh giá tính chất mức độ về hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo,đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên quyết định truy tố vàđề nghị tuyên bố các bị cáo Vũ Lê Minh T phạm tội"Trộm cắp tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; bị cáo Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 175; điểms khoản 1, khoản 2Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55Bộ luật hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Lê Minh T từ 15-18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và từ 30-36 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo T chấp hành hình phạt chung của cả hai tội.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51Bộ luật hình sự: đề nghị xử phạt bị cáoTrần Văn T từ 12-15 tháng tù.

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Buộc bị cáo Vũ Lê Minh T có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Thành T số tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng.Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Cả hai bị cáo đều nhận thấy hành vi sai trái của mình, xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáoVũ Lê Minh T và Trần Văn Ttại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị hại,những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Trong tháng 7/2018, bị cáo Vũ Lê Minh Tcó nhận làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất choanh Nguyễn Thành T với số tiền thoả thuận là 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng, T nhận trước của anh T 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu)đồng, số tiền còn lại T sẽ nhận sau khi làm xong thủ tục giấy tờ cho anh T. Sau khi nhận số tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu)đồngcủa anh T, bị cáo T có đến nhờ bà Phạm Thị Thu Tlàm giúp hồ sơ cho anh T nhưng do đất không đủ điều kiện chuyển mục đích sử dụng nên bà T từ chối. Mặc dù biết không làm được thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho anh T nhưng bị cáo T đã không trả lại số tiền trên cho anh T mà nảy sinh ý định và dùng thủ đoạn gian dối là khất hẹn với anh T nhiều lần, sau đóbỏ trốn nhằm chiếm đoạt toàn bộ số tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồngđã nhận của anh Tvà sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.Hành vi của bị cáo Tthực hiện đã đủ yếu tố cấu thành "Tội lạm dụng tín nhiệmchiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định điểm a khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 175Bộ luật hình sự.Ngoài ra, để có tiền tiêu xài, vào khoảng 23 giờ ngày 30/12/2018, bị cáo T tiếp tục cùng bị cáo Trần Văn T thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 49D1-149.72 trị giá 6.080.000 (sáu triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng của bà Phạm Thị Vđang dựng ở hàng rào trước dãy nhà trọ tại hẻm số 63 đường Nguyễn Công Trứ, phường 2, thành phố Đà Lạt. Hành vi của bị cáo T và bị cáo T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản",tội phạm và hình phạt được quy định khoản 1Điều 173 Bộ luật hình sựmà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với haibị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy rằng: Các bị cáo đều là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật hình sự nhưng chỉ vì tư lợi

cá nhânmà các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.Việc bị phát hiệnvà bắt giữ là ngoài ý muốn của haibị cáo. Cả hai bị cáo đều là thanh niên có sức khoẻ, đã có nhân thân xấu và có tiền án nhưng các bị cáo đều không biết ăn năn, hối cải, không chịu kiếm việc làm ổn định, hợp pháp để kiếm thu nhập phục vụ bản thân và gia đình mà chỉ vì ham chơi, lười lao động mà các bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo Tuấn lợi dụng sự tin tưởng để chiếm đoạt của anh T số tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu)đồng là hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng nhưng bị cáo vẫn không sợ sự trừng phạt của pháp luật mà trong thời gian trốn tránh anh T, bị cáo lại tiếp tục tham gia cùng với bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Phạm Thị V là thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo T và bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp với vai trò đồng phạm mang tính giản đơn, trước khi thực hiện hai bị cáo không có sự bàn bạc trước. Bị cáo T mặc dù là người chuẩn bị công cụ phạm tội nhưng cả haibị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành tích cực, bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên xử phạt bị cáo T mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo T. Bản thân bị cáo T cũng đã hai lần bị Toà án xử phạt về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng cũngkhông lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội cũng thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo.Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội,không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còngây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân nên xử phạt hai bị cáo thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất hành vi mà các bị cáo đã gây ra, cần cách ly cả hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với hai bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo:

Bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo.

Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng nhưng có nhân thân xấunên Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, cả hai bị cáođã thành khẩn khai báo, bị hại chị V xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáonên áp dụng điểms khoản 1Điều 51, khoản 2 Điều 51 (đối với tội Trộm cắp tài sản) Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ đối với hai bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự đều quy định hình phạt bổ sung, tuy nhiên xét thấy theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo T và bị cáo T tại phiên toà thể hiện cả hai bị cáo đều không có việc làm ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:Anh Nguyễn Thành T yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng.Xét thấy, yêu cầu của anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên buộc bị cáo T có trách nhiệm bồi thường cho anh T số tiền trên.Bà Phạm Thị V đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Xét thấy:

- 01 chìa khoá hiệu xe Honda; 01 cây khoá số 8; 01 ống sắt dùng để mở khoá số 8; 01 cây sắt tròn hình chữ L; 01 con dao bầu dài 30cm, cán gỗ dài 10cm, lưỡi màu nâu dài 20cm thu giữ của bị cáo T là công cụ bị cáo T chuẩn bị để sử dụng vào việc trộm cắp xe nên tịch thu tiêu huỷ.

- 01 điện thoại di động hiệu Viettel màu trắng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen là tài sản của bị cáo T không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di động hiệu Honor màu trắnglà tài sản của bị cáo T không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Cả hai bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố:Bị cáo Vũ Lê Minh T phạm các tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 đối với tội "Trộm cắp tài sản"; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Lê Minh T36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"và18 (mười tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Vũ Lê Minh T chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 54 (năm mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/12/2018.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 15 (mười lăm) tháng tù,thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/12/2018.

3.Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Vũ Lê Minh T có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Thành Tsố tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Thành T (người được thi hành án) có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bồi thường nói trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bị cáo Vũ Lê Minh T (bên phải thi hành án) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khoá hiệu xe Honda; 01 cây khoá số 8; 01 ống sắt dùng để mở khoá số 8; 01 cây sắt tròn hình chữ L; 01 con dao bầu dài 30cm, cán gỗ dài 10cm, lưỡi màu nâu dài 20cm.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn T01 điện thoại di động hiệu Viettel màu trắng, bị bể màn hình, IMEI: 862120026467129 – 862120026467137 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, model: TA1034đềuđã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong.

Trả lại cho bị cáo Vũ Lê Minh T 01 điện thoại di động hiệu Honor màu trắngđã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/4/2019 giữa Công an thành phố Đà Lạt và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt).

5.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Vũ Lê Minh Tphải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.250.000 đồng(Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáovà các bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đ;
- Công an TP. Đ;
- THADS TP. Đ;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Lệ Quyên